

Số: 1138/QĐ-UBND

TP. Hưng Yên, ngày 17 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất cho
Nhân dân làm nhà ở trên địa bàn thành phố Hưng Yên đợt 02 năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản năm 2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản năm 2024;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Thông tư số 20/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định cơ chế, chính sách về giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá; chi phí đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, chi phí thông báo công khai việc đấu giá trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, chi phí sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia để đấu giá bằng hình thức trực tuyến;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 22/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; quy định việc thu, chi, quản lý và sử dụng tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 07/3/2025 của UBND thành phố Hưng Yên về việc phê duyệt phương án đấu giá cụ thể tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất cho Nhân dân làm nhà ở tại các thửa đất tại của các khu đấu giá trên địa bàn thành phố Hưng Yên đợt 02 năm 2025;

Căn cứ các Biên bản đấu giá tài sản của các thửa đất ngày 15/4/2025 của Công ty đấu giá hợp danh Bảo Minh;

Theo đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố tại Tờ trình số 185/TTr-TCKH ngày 15/4/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất cho Nhân dân làm nhà ở trên địa bàn thành phố Hưng Yên đợt 02 năm 2025, cụ thể như sau:

- Tổng số tiền trúng đấu giá: **256.269.844.000 đồng** (Hai trăm năm mươi sáu tỷ hai trăm sáu mươi chín triệu tám trăm bốn mươi tư nghìn đồng);
- Tổng số thửa đất trúng đấu giá: 69 thửa đất;
- Diện tích trúng đấu giá: 7.410,4m²;
- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất;
- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài;
- Vị trí, diện tích các thửa đất trúng đấu giá; thông tin người trúng đấu giá: Có danh sách chi tiết kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Đội Thuế liên huyện Thành phố Hưng Yên - Kim Động gửi Thông báo nộp tiền trúng đấu giá bằng văn bản cho người trúng đấu giá quyền sử dụng đất; chịu trách nhiệm thông tin đến người trúng đấu giá về thời gian và thời hạn nộp tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất được quy định tại khoản 4 Điều này; đơn đốc, hướng dẫn người trúng đấu giá nộp tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất vào tài khoản tạm thu của Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố để chờ xử lý nộp ngân sách nhà nước. Thông báo cho Phòng Nông nghiệp và Môi trường thành phố về việc người trúng đấu giá đã hoàn thành việc nộp tiền sử dụng đất.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố có trách nhiệm nộp ngân sách nhà nước và xác định chi phí thực hiện GPMB, xây dựng hạ tầng kỹ thuật để thực hiện điều tiết 100% từ tiền sử dụng đất đối với từng khu dân cư, vị trí đấu giá (theo Quy định tại Nghị quyết 302/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND tỉnh Hưng Yên và Công văn số 1304/STC-QLNS ngày 22/8/2023 của Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên).

3. Phòng Nông nghiệp và Môi trường thành phố sau khi nhận được thông báo của Đội Thuế liên huyện Thành phố Hưng Yên - Kim Động về việc người trúng đấu giá đã hoàn thành việc nộp tiền sử dụng đất thì chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trình UBND thành phố ban hành quyết định giao đất và ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; tổ chức bàn giao đất trên thực địa và trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người trúng đấu giá quyền sử dụng đất.

4. Người trúng đấu giá nộp số tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất theo Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất của UBND thành phố trong vòng **30 ngày** kể từ ngày ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất của Đội Thuế liên huyện Thành phố Hưng Yên - Kim Động;

Người trúng đấu giá không nộp tiền hoặc nộp không đủ tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất theo thông báo của cơ quan thuế thì sau 120 ngày kể từ ngày phê duyệt Quyết định này, UBND thành phố sẽ hủy quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất, người trúng đấu giá không được nhận lại tiền đặt cọc (*tiền đặt trước*). Toàn bộ số tiền đặt cọc (*tiền đặt trước*) phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và Môi trường, Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố; Đội trưởng Đội Thuế liên huyện Thành phố Hưng Yên - Kim Động; Chủ tịch UBND cấp xã nơi có đất đấu giá; các ông (bà) có tên tại Điều 1 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *g*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- Công thông tin điện tử TP;
- Lưu: TCKH⁽⁰³⁾, VT. *Hg*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Phạm Quốc Hoàn

PHỤ LỤC CHI TIẾT
KẾT QUẢ TRÚNG ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐỢT 02 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số **1138** /QĐ-UBND ngày **17** /4/2025 của UBND thành phố Hưng Yên)

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Thửa đất đầu giá	Diện tích	Giá bán		Số tiền đặt trước đã nộp	Ghi chú
					Giá trúng	Thành tiền		
	Khu dân cư mới đường trục xã Bảo Khê (vị trí số 02) - Chủ đầu tư: UBND thành phố Hưng Yên							
1	Lê Thành Luân	Thôn Nguyễn Xá, Phương Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	LK3.20	146,80	37.620.000	5.522.616.000	300.000.000	
2	Nguyễn Như Cường	587 Quang Lãm, Tdp4, Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội	LK3.21	147,10	27.950.000	4.111.445.000	300.000.000	
3	Cù Xuân Cảnh	Khu 3, Lương Lỗ, Thanh Ba, Phú Thọ	LK3.22	139,70	28.550.000	3.988.435.000	300.000.000	
4	Ngô Ngọc Lâm	Hoàng Văn Thụ, TP. Bắc Giang, Bắc Giang	LK3.23	132,20	31.350.000	4.144.470.000	300.000.000	
5	Ngô Ngọc Lâm	Hoàng Văn Thụ, TP. Bắc Giang, Bắc Giang	LK3.24	124,80	32.350.000	4.037.280.000	300.000.000	
6	Cù Xuân Cảnh	Khu 3, Lương Lỗ, Thanh Ba, Phú Thọ	LK3.25	115,40	38.620.000	4.456.748.000	300.000.000	
7	Lê Thành Luân	Thôn Nguyễn Xá, Phương Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	LK3.26	108,00	34.190.000	3.692.520.000	300.000.000	
8	Cù Xuân Cảnh	Khu 3, Lương Lỗ, Thanh Ba, Phú Thọ	LK3.27	108,00	35.790.000	3.865.320.000	300.000.000	
9	Cù Xuân Cảnh	Khu 3, Lương Lỗ, Thanh Ba, Phú Thọ	LK3.28	108,00	35.790.000	3.865.320.000	300.000.000	

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Thửa đất đầu giá	Diện tích	Giá bán		Số tiền đặt trước đã nộp	Ghi chú
					Giá trúng	Thành tiền		
10	Cù Xuân Cảnh	Khu 3, Lương Lỗ, Thanh Ba, Phú Thọ	LK3.29	108,00	35.990.000	3.886.920.000	300.000.000	
11	Hoàng Thị Hồng Mến	Khu 15, Hanh Cù, Thanh Ba, Phú Thọ	LK3.30	108,00	36.790.000	3.973.320.000	300.000.000	
12	Phan Thị Liên	Phú Mỹ 3, Dĩnh Kế, Thành phố Bắc Giang, Bắc Giang	LK3.31	108,00	33.190.000	3.584.520.000	300.000.000	
13	Lê Thanh Bình	Thôn Đông, Tàm Xá, Đông Anh, Hà Nội	LK3.32	108,00	41.790.000	4.513.320.000	300.000.000	
14	Lê Thanh Bình	Thôn Đông, Tàm Xá, Đông Anh, Hà Nội	LK3.33	108,00	40.990.000	4.426.920.000	300.000.000	
15	Hoàng Thị Hồng Mến	Khu 15, Hanh Cù, Thanh Ba, Phú Thọ	LK3.34	108,00	36.790.000	3.973.320.000	300.000.000	
16	Hoàng Thị Hồng Mến	Khu 15, Hanh Cù, Thanh Ba, Phú Thọ	LK3.35	108,00	36.590.000	3.951.720.000	300.000.000	
17	Hoàng Thị Hồng Mến	Khu 15, Hanh Cù, Thanh Ba, Phú Thọ	LK3.36	108,00	36.590.000	3.951.720.000	300.000.000	
18	Cù Xuân Cảnh	Khu 3, Lương Lỗ, Thanh Ba, Phú Thọ	LK3.37	108,00	36.790.000	3.973.320.000	300.000.000	
19	Cù Xuân Cảnh	Khu 3, Lương Lỗ, Thanh Ba, Phú Thọ	LK3.38	108,00	36.990.000	3.994.920.000	300.000.000	
20	Cù Xuân Cảnh	Khu 3, Lương Lỗ, Thanh Ba, Phú Thọ	LK3.39	108,00	36.790.000	3.973.320.000	300.000.000	
21	Trần Hải Ngọc	Số 319B Đường Lê Văn Lương, An Tảo, Thành phố Hưng Yên, Hưng Yên	LK3.40	108,00	29.190.000	3.152.520.000	300.000.000	
22	Đồng Đức Hạnh	Tổ 2, Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	LK3.41	108,00	38.390.000	4.146.120.000	300.000.000	

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Thửa đất dầu gĩa	Diện tích	Giá bán		Số tiền đặt trước	Ghi chú
					Giá trưng	Thành tiền		
23	Đông Đức Hành	Tổ 2, Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	LK3.42	108,00	39.390.000	4.254.120.000	300.000.000	
24	Cù Xuân Cảnh	Khu 3, Lương Lỗ, Thanh Ba, Phú Thọ	LK3.43	108,00	36.590.000	3.951.720.000	300.000.000	
25	Nguyễn Văn Tuấn	Đội 9, Thôn Doanh Châu, Phú Cường, TP. Hưng Yên, Hưng Yên	LK3.44	124,90	48.668.000	6.078.633.200	300.000.000	
26	Nguyễn Hà Thuý	Phố Cốc, Đình Trì, Thành phố Bắc Giang, Bắc Giang	LK4.1	130,40	38.868.000	5.068.387.200	300.000.000	
27	Lê Thị Thu Huyền	Khu 3 Lương Lỗ, Thanh Ba, Phú Thọ	LK4.2	100,00	34.790.000	3.479.000.000	300.000.000	
28	Trần Đức Hùng	Mỹ Trạch, Bình Minh, Bình Giang, Hải Dương	LK4.3	100,00	36.190.000	3.619.000.000	300.000.000	
29	Lê Thị Thu Huyền	Khu 3 Lương Lỗ, Thanh Ba, Phú Thọ	LK4.4	100,00	33.790.000	3.379.000.000	300.000.000	
30	Lê Thị Thu Huyền	Khu 3 Lương Lỗ, Thanh Ba, Phú Thọ	LK4.5	100,00	33.790.000	3.379.000.000	300.000.000	
31	Lê Anh Tuấn	TDP số 2, Phú Dò, Nam Từ Liêm, Hà Nội	LK4.6	100,00	34.790.000	3.479.000.000	300.000.000	
32	Lê Thị Thu Huyền	Khu 3 Lương Lỗ, Thanh Ba, Phú Thọ	LK4.7	100,00	34.790.000	3.479.000.000	300.000.000	
33	Lê Thị Thu Huyền	Khu 3 Lương Lỗ, Thanh Ba, Phú Thọ	LK4.8	100,00	34.990.000	3.499.000.000	300.000.000	
34	Lê Thị Thu Huyền	Khu 3 Lương Lỗ, Thanh Ba, Phú Thọ	LK4.9	100,00	34.990.000	3.499.000.000	300.000.000	
35	Lê Thị Thu Huyền	Khu 3 Lương Lỗ, Thanh Ba, Phú Thọ	LK4.10	100,00	35.190.000	3.519.000.000	300.000.000	

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Thửa đất đầu giá	Diện tích	Giá bán		Số tiền đặt trước đã nộp	Ghi chú
					Giá trúng	Thành tiền		
36	Nguyễn Tuấn Huy	Khu 6, Hương Xạ, Hạ Hòa, Phú Thọ	LK4.11	100,00	35.190.000	3.519.000.000	300.000.000	
37	Trần Đức Hùng	Mỹ Trạch, Bình Minh, Bình Giang, Hải Dương	LK4.12	100,00	35.390.000	3.539.000.000	300.000.000	
38	Nguyễn Tuấn Huy	Khu 6, Hương Xạ, Hạ Hòa, Phú Thọ	LK4.13	100,00	35.190.000	3.519.000.000	300.000.000	
39	Nguyễn Tuấn Huy	Khu 6, Hương Xạ, Hạ Hòa, Phú Thọ	LK4.14	100,00	34.190.000	3.419.000.000	300.000.000	
40	Lê Thị Thu Huyền	Khu 3 Lương Lỗ, Thanh Ba, Phú Thọ	LK4.15	100,00	34.790.000	3.479.000.000	300.000.000	
41	Lê Thị Thu Huyền	Khu 3 Lương Lỗ, Thanh Ba, Phú Thọ	LK4.16	100,00	34.790.000	3.479.000.000	300.000.000	
42	Lê Anh Tuấn	TDP số 2, Phú Đô, Nam Từ Liêm, Hà Nội	LK4.17	100,00	33.790.000	3.379.000.000	300.000.000	
43	Tạ Đình Chung	Xóm 5, Thôn An Lạc, Đồng Tiến, Khoái Châu, Hưng Yên	LK4.18	100,00	31.790.000	3.179.000.000	300.000.000	
44	Lê Văn Thanh	Lương Gián, Quốc Tuấn, Nam Sách, Hải Dương	LK4.19	126,40	34.820.000	4.401.248.000	300.000.000	
45	Nguyễn Thị Hồng Liễu	Tdp Số 2 Thị trấn Bích Động, Việt Yên, Bắc Giang	LK4.20	123,20	29.950.000	3.689.840.000	300.000.000	
46	Chu Thị Lan Anh	Số 270 Lê Văn Lương, An Tảo, TP.Hưng Yên, Hưng Yên	LK4.21	118,00	30.750.000	3.628.500.000	300.000.000	
47	Nguyễn Anh Phong	Khu 15, Hanh Cù, Thanh Ba, Phú Thọ	LK4.22	112,80	35.150.000	3.964.920.000	300.000.000	
48	Nguyễn Anh Phong	Khu 15, Hanh Cù, Thanh Ba, Phú Thọ	LK4.23	107,60	36.950.000	3.975.820.000	300.000.000	

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Thửa đất dầu giã	Diện tích	Giá bán		Số tiền đặt trước	Chi chú
					Giá trưng	Thành tiền	đã nộp	
49	Cù Xuân Cảnh	Khu 3, Lương Lỗ, Thanh Ba, Phú Thọ	LK4.24	102,50	36.950.000	3.787.375.000	300.000.000	
50	Viết Thị Hồng Vân	KDC Cao Du, Âu Cơ, TX Phú Thọ, Phú Thọ	LK4.25	97,30	31.750.000	3.089.275.000	300.000.000	
51	Hoàng Thị Hồng Mến	Khu 15, Hanh Cù, Thanh Ba, Phú Thọ	LK4.26	90,10	44.820.000	4.038.282.000	300.000.000	
52	Tà Đình Chung	Xóm 5, Thôn An Lạc, Đông Tiến, Khoái Châu, Hưng Yên	LK4.27	100,00	31.990.000	3.199.000.000	300.000.000	
53	Đông Đức Hạnh	Tổ 2, Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	LK4.28	100,00	32.390.000	3.239.000.000	300.000.000	
54	Lê Thị Thu Huyền	Khu 3 Lương Lỗ, Thanh Ba, Phú Thọ	LK4.29	100,00	30.590.000	3.059.000.000	300.000.000	
55	Lê Thị Thu Huyền	Khu 3 Lương Lỗ, Thanh Ba, Phú Thọ	LK4.30	100,00	30.590.000	3.059.000.000	300.000.000	
56	Đặng Văn Luyện	Số 110 Bình Lộc, Tân Bình, Thanh phố Hải Dương, Hải Dương	LK4.31	100,00	29.990.000	2.999.000.000	300.000.000	
57	Nguyễn Đức Sơn	Số 270 Lê Văn Lương, An Tào, TP.Hưng Yên, Hưng Yên	LK4.32	100,00	28.390.000	2.839.000.000	300.000.000	
58	Lê Anh Tuấn	TDP số 2, Phú Đò, Nam Từ Liêm, Hà Nội	LK4.33	100,00	30.790.000	3.079.000.000	300.000.000	
59	Lê Anh Tuấn	TDP số 2, Phú Đò, Nam Từ Liêm, Hà Nội	LK4.34	100,00	30.790.000	3.079.000.000	300.000.000	
60	Trần Thị Thủy	Thôn Thu Thị, Tân Lập, Yên Mỹ, Hưng Yên	LK4.35	100,00	31.990.000	3.199.000.000	300.000.000	
61	Phạm Văn Mạnh	Thôn Phú, Thái Học, Bình Giang, Hải Dương	LK4.36	100,00	31.590.000	3.159.000.000	300.000.000	

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Thửa đất đấu giá	Diện tích	Giá bán		Số tiền đặt trước đã nộp	Ghi chú
					Giá trúng	Thành tiền		
62	Nguyễn Tuấn Huy	Khu 6, Hương Xạ, Hạ Hòa, Phú Thọ	LK4.37	100,00	30.790.000	3.079.000.000	300.000.000	
63	Nguyễn Văn Tuấn	Đội 9, Thôn Doanh Châu, Phú Cường, TP. Hưng Yên, Hưng Yên	LK4.38	100,00	31.390.000	3.139.000.000	300.000.000	
64	Trần Đức Hùng	Mỹ Trạch, Bình Minh, Bình Giang, Hải Dương	LK4.39	100,00	31.390.000	3.139.000.000	300.000.000	
65	Lê Hoàng Trung Dũng	Khu Núi Trang, Thị trấn Phong Châu, Phù Ninh, Phú Thọ	LK4.40	100,00	30.190.000	3.019.000.000	300.000.000	
66	Lê Thị Thu Huyền	Khu 3 Lương Lỗ, Thanh Ba, Phú Thọ	LK4.41	100,00	29.790.000	2.979.000.000	300.000.000	
67	Trương Đức Hiếu	Áp Tó, Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	LK4.42	100,00	36.990.000	3.699.000.000	300.000.000	
68	Trương Đức Hiếu	Áp Tó, Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	LK4.43	100,00	36.590.000	3.659.000.000	300.000.000	
69	Hà Văn Thục	Đội 13, Thôn Kệ Châu 1, Phú Cường, TP. Hưng Yên, Hưng Yên	LK4.44	127,20	36.868.000	4.689.609.600	300.000.000	
	Cộng			7.410,40		256.269.844.000		